

Số: 259/BC-SNN&PTNT

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện sau phiên trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII

Thực hiện Thông báo số 404/TB-HĐND, ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về Kết luận của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh về phiên chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Sở Nông nghiệp và PTNT Báo cáo kết quả thực hiện như sau:

Nội dung chất vấn tại Kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII

“Nhiều năm gần đây thường xuyên xảy ra tình trạng một số loại nông sản sản xuất ra nhưng không tiêu thụ được, phải giải cứu. Đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết thực trạng, nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp tỉnh ta trong những năm tới để giải quyết được tình trạng nêu trên”

Nội dung chất vấn trên Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Báo cáo số 123/BC-SNN&PTNT ngày 5/7/2018 gửi tới các đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ 6; trong đó đã khái quát tình hình chung trong sản xuất nông nghiệp, thực trạng sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ nông sản chính của tỉnh; thực trạng một số loại nông sản sản xuất ra nhưng giá tiêu thụ thấp hoặc không tiêu thụ được; làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các cấp, các ngành và xây dựng các giải pháp giải quyết tình trạng nông sản dư thừa, khó tiêu thụ.

1. Kết quả thực hiện

Từ sau Kỳ họp thứ 6 HĐND tỉnh đến nay, trên cơ sở các giải pháp đã được nêu tại Báo cáo số 123/BC-SNN&PTNT ngày 5/7/2018, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tập trung phối hợp với các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp triển khai thực hiện, từng bước tháo gỡ khó khăn, khắc phục hiện tượng dư thừa, khó tiêu thụ một số loại nông sản trên địa bàn tỉnh; cụ thể là:

1.1. Chỉ đạo thực hiện phát triển các sản phẩm theo đề án, phương án, kế hoạch sản xuất

- Sở nông nghiệp và PTNT đã chủ trì xây dựng, tham mưu và triển khai thực hiện 15 đề án, phương án sản xuất, các đề án, phương án, kế hoạch sản xuất đã được UBND tỉnh phê duyệt như: Đề án phát triển vùng nguyên liệu mía đường Lam Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển vùng nguyên liệu cây gai xanh phục vụ nhà máy sản xuất sợi dệt tại xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Phương án sản xuất ngành trồng trọt vụ Thu Mùa năm 2018; Phương án sản xuất vụ Đông năm 2018-2019; Phương án sản xuất vụ Chiêm Xuân 2018-2019; Kế hoạch sản xuất trồng trọt năm 2019,... Đặc biệt đề án tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định

hướng đến 2030 đã được BCH Đảng bộ tỉnh thống nhất ban hành Nghị quyết để tổ chức triển khai thực hiện. Thông qua các đề án, phương án, kế hoạch để định hướng mục tiêu, giải pháp phát triển sản xuất nông nghiệp theo quy mô sản xuất hàng hóa, nâng cao sức cạnh tranh, tạo thị trường ổn định, thu hút doanh nghiệp đầu tư, khắc phục từng bước tình trạng dư thừa sản phẩm nông nghiệp.

- Kịp thời nắm bắt, chỉ đạo hướng dẫn các giải pháp khắc phục trước hiện tượng dư thừa, khó tiêu thụ nông sản; báo cáo kịp thời với Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh để chỉ đạo xử lý, tham mưu và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất (chính sách hỗ trợ sản xuất và bao tiêu sản phẩm trồng trọt, cơ chế hỗ trợ vụ đông...).

- Tập trung chuyển giao nhanh và đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, các giải pháp khoa học công nghệ mới, tiên tiến để phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của tỉnh, tập trung chỉ đạo tăng tỷ lệ sử dụng giống tiến bộ, có năng suất, chất lượng cao phù hợp với thị hiếu, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh khuyến cáo ứng dụng cơ giới hóa, thực hiện các quy trình kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất. Tăng cường sự kết nối, hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu với doanh nghiệp. Đẩy mạnh sản xuất sản phẩm nông sản an toàn có xác nhận, nâng cao hiệu quả sản xuất, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; xác định cụ thể địa phương, đối tượng có khả năng thực hiện để tổ chức sản xuất.

1.2. Tổ chức các hội chợ triển lãm, mở các hội nghị kết nối cung cầu giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất

- Từ tháng 7/2018 đến nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức 02 cuộc triển lãm các sản phẩm nông nghiệp toàn tỉnh: thông qua đó các địa phương, hợp tác xã, doanh nghiệp giới thiệu các sản phẩm đặc sắc của địa phương mình, đơn vị mình nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Tổ chức được 06 hội nghị xúc tiến doanh nghiệp, kết nối cung cầu, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp của tỉnh, qua đó đã thu hút hàng chục doanh nghiệp đến tìm hiểu và nghiên cứu đầu tư, nhất là liên kết và bao tiêu sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT đã cung cấp tình hình, giới thiệu thị trường, động viên và kêu gọi doanh nghiệp thu mua nông sản hỗ trợ nông dân; hướng dẫn các địa phương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ. Qua đó nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vào đầu tư, đã giảm thiểu tình trạng dư thừa nông sản, gây thất thiệt cho nhân dân.

Đặc biệt, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức các hội nghị kết nối cung cầu với Công ty cổ phần xuất khẩu thực phẩm, nông sản Đồng Giao; Công ty cổ phần nông nghiệp quốc tế An Việt; Công ty Orion; Công ty giống cây trồng Thái Bình; Công ty vật tư nông nghiệp Nghệ An; Ban lãnh đạo chuỗi các siêu thị BigC,... thông qua đó đã có nhiều hợp đồng tiêu thụ nông sản với các hợp tác xã tại các huyện: Hoàng Hóa, Hậu Lộc, Thiệu Hóa, Vĩnh Lộc, Quảng Xương, Hà Trung, Thọ Xuân, Bá Thước,...

1.3. Xây dựng các mô hình liên kết chuỗi trong sản xuất

- Mô hình thí điểm chuỗi giá trị an toàn thực phẩm:

Thực hiện Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 16/8/2017 của UBND tỉnh về việc xây dựng các mô hình thí điểm ATTP trên địa bàn tỉnh đến hết năm 2018, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan tiến hành khảo sát, đánh giá, lựa chọn các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh tự nguyện, có đủ năng lực, tiềm lực, đáp ứng các điều kiện tham gia xây dựng các mô hình chuỗi giá trị sản phẩm an toàn, mô hình giết mổ đảm bảo an toàn thực phẩm cấp tỉnh theo số lượng chỉ tiêu được UBND tỉnh giao: tổ chức Hội nghị triển khai các nội dung trong xây dựng mô hình thí điểm ATTP cấp tỉnh, thống nhất ký Biên bản thỏa thuận giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với các đơn vị tham gia xây dựng mô hình nhằm gắn trách nhiệm giữa các bên khi tham gia; ban hành Kế hoạch số 42/KH-SNN&PTNT ngày 22/9/2017 về việc xây dựng các mô hình thí điểm an toàn thực phẩm cấp tỉnh; thành lập Ban chỉ đạo xây dựng mô hình, phân công cụ thể trách nhiệm cho từng phòng, từng cán bộ công chức phụ trách, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện xây dựng các mô hình thí điểm được giao; tổ chức cho các doanh nghiệp thăm quan, học tập kinh nghiệm trong xây dựng mô hình chuỗi giá trị sản phẩm an toàn tại TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh: Đồng Nai, Tiền Giang, Kiên Giang. Kết quả đã xây dựng thành công 8 mô hình chuỗi giá trị thực phẩm an toàn là:

+ Mô hình chuỗi giá trị gạo an toàn của Công ty cổ phần thương mại Sao Khuê với chuỗi giá trị gạo nếp cái hoa vàng Quý Hương tại xã Hà Long, huyện Hà Trung với quy mô 100 ha và chuỗi giá trị gạo tẻ thương hiệu Nàng thơm tại xã Đông Hoàng, huyện Đông Sơn với quy mô 40 ha và có tổng số 180 hộ tham gia; sản lượng gạo cung ứng ra thị trường khoảng 15.000 tấn/năm; công ty có hơn 100 đại lý phân phối trên toàn tỉnh.

- Mô hình chuỗi giá trị rau an toàn của Công ty cổ phần dịch vụ thương mại phát triển Việt Nam Xanh, sản xuất rau an toàn trên tổng diện tích 3 ha, sản xuất các loại rau bản địa, đồng thời ký hợp đồng thu mua với 05 HTX sản xuất rau an toàn trong toàn tỉnh để sơ chế, đóng gói và cung cấp cho hệ thống cửa hàng thực phẩm sạch trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, các nhà ăn tập thể, bếp ăn trường học, nhà hàng ở thành phố Thanh Hóa, Sầm Sơn; sản lượng dự kiến cung ứng ra thị trường 180 tấn/năm.

- Mô hình chuỗi giá trị thịt an toàn của Công ty TNHH Anh Minh Giang, chăn nuôi bò tập trung với quy mô 2.000 con bò/lượt nuôi; liên kết giết mổ tại Công ty CP chế biến súc sản Thanh Hóa; sản phẩm thịt bò được bày bán tại cửa hàng kinh doanh tại thành phố Thanh Hóa và cửa hàng tại thị trấn Ngọc Lặc, đồng thời cung ứng thịt cho các cửa hàng tại Hà Nội; sản lượng thịt cung ứng ra thị trường 50 tấn/tháng.

- Mô hình chuỗi giá trị sản phẩm thủy sản an toàn của Công ty CP xuất nhập khẩu thủy sản Đức Quý, ký hợp đồng liên kết thu mua với 10 tàu khai thác xa bờ của thành phố Sầm Sơn và huyện Tĩnh Gia để thu mua hải sản, sơ chế, chế biến, cấp đông tại nhà máy chế biến của Công ty với công suất cấp đông trên 1.000 tấn/tháng, sản phẩm được tiêu thụ chủ yếu qua hệ thống cửa hàng, các kho

lạnh tại thành phố Sầm Sơn và các huyện lân cận; sản lượng cung ứng ra thị trường 80 tấn sản phẩm/tháng.

- *Các mô hình sản xuất trồng trọt theo chuỗi giá trị thông qua hợp đồng:*
Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ giống lúa thuần năng suất chất lượng cao TBR225 tại huyện Thọ Xuân; với diện tích trên 200 ha, năng suất ước đạt từ 75-80 tạ/ha, sản phẩm do Công ty CP giống cây trồng Thái Bình thu mua; hiệu quả kinh tế đạt 43,6 triệu đồng/ha. Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ giống ngô nếp lai tại huyện Yên Định với diện tích 74 ha, năng suất dự kiến đạt 5 tấn/ha, sản phẩm do Công ty CP giống cây trồng Trung ương thu mua. Mô hình thuê đất sản xuất lúa gạo theo hướng hữu cơ của Công ty CP Mía đường Lam Sơn tại huyện Thiệu Hóa, với diện tích 180 ha. Mô hình sản xuất ngô đường tại các huyện Vĩnh Lộc, Thiệu Hóa, Hậu Lộc, ... với diện tích trên 100 ha, sản phẩm do Công ty xuất nhập khẩu thực phẩm Đồng Giao thu mua. Mô hình sản xuất ngô trồng dày làm thức ăn chăn nuôi 80,5 ha tại huyện Yên Định, ...

- *Mô hình chuỗi cung ứng:* Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, kết quả: đã hoàn thành 19/18 chuỗi, cụ thể (03 chuỗi cung ứng lúa gạo; 06 chuỗi cung ứng rau, quả; 06 chuỗi cung ứng thịt gia súc, gia cầm; 04 chuỗi cung ứng thủy sản). Lũy kế đến nay có 28 chuỗi thực phẩm an toàn được xác nhận. Hàng năm cung ứng ra thị trường 50.000 tấn sản phẩm an toàn các loại

1.4. Kết quả giải quyết tình trạng nông sản dư thừa, khó tiêu thụ

Khắc phục tình trạng dứa bị rớt giá và dư thừa: Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ động phối hợp với các địa phương làm việc với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Giao và các tư thương ngoài tỉnh (Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng...) tập trung thu mua, tiêu thụ dứa cho nhân dân. Từ tháng 8/2018 đến nay giá dứa đã tăng lên 6.000- 7000đ/kg (trước đây là 1.500- 2.000đ/kg), sản lượng dứa sản xuất ra được tiêu thụ hết, không bị tồn đọng, dư thừa.

Khắc phục hiện tượng thịt lợn hơi rớt giá từ năm 2017: do ảnh hưởng của việc rớt giá sâu, kéo dài trên cả nước; từ 50.000-53.000đồng/kg xuống còn 21.000- 28.000 đ/kg (ngưỡng hòa vốn trong chăn nuôi lợn là 36.000đ/kg); vì vậy tại thời điểm đầu năm 2018 các hộ chăn nuôi trong tỉnh không giám xuất bán khi lợn đến tuổi xuất chuồng, phải chi phí tăng thêm trong việc duy trì nuôi dưỡng đàn lợn làm ảnh hưởng đến hiệu quả chăn nuôi lợn và tâm lý hoang mang, lo ngại của các hộ chăn nuôi. Từ tháng 4/2018 giá lợn hơi đã tăng trở lại đạt bình quân từ 47.000- 50.000đ/kg (có thời điểm đạt 53.000đ/kg). Dự báo trong thời gian tới giá lợn hơi tiếp tục ổn định; người chăn nuôi trong tỉnh có lãi, tiếp tục đầu tư tái đàn.

Khắc phục hiện tượng khoai tây bị giảm giá năm 2017 và đầu năm 2018: do ảnh hưởng của thị trường thế giới, giá khoai tây thời điểm này xuống từ 4500-4.700 đ/kg, song hiện nay giá khoai tây đã đạt trên 6.000đ/kg. Hiện nay Sở Nông nghiệp và PTNT đã mời gọi 2 doanh nghiệp vào liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm khoai tây thông qua hợp đồng với diện tích 700 ha trong vụ đông, giá sản phẩm thấp nhất là 6.000đ/kg và được điều chỉnh tăng theo giá thị trường.

Hiện tượng ớt rớt giá: So với các năm trước đây nhất là cuối năm 2016 và đầu năm 2017 giá ớt hiện nay có thấp hơn, nguyên nhân là do điều kiện thời tiết tại các nước phía Bắc (Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc) đang ẩm, ớt vẫn cho thu hoạch nên thị trường ớt xuất khẩu của Việt Nam cũng như của tỉnh Thanh Hóa bị hạn chế, giá thấp. Tuy nhiên với mức giá hiện nay (dao động từ 9.000-12.000đ/kg) người trồng ớt vẫn có lãi từ 80-100 triệu đồng/ha. Ớt vẫn là cây trồng cho thu nhập cao trong sản xuất vụ Đông và vụ Xuân tại Thanh Hóa.

Khó khăn đối với ngành mía đường: Hiện nay ngành mía đường đang gặp rất nhiều khó khăn do sản lượng đường mía trên thế giới dư thừa khoảng 7 triệu tấn, hiện nay các nước sản xuất mía đường đang vào vụ sản xuất, giá đường tiếp tục giảm sâu (khoảng 10.000đ/kg). Từ đó làm cho giá thu mua mía nguyên liệu của các nhà máy đường trong tỉnh buộc phải giảm, gây khó khăn cho người trồng mía. Trong tháng 11/2018 Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các huyện trồng mía nguyên liệu làm việc với các nhà máy đường, đề nghị các nhà máy đường điều chỉnh giá thu mua mía, đảm bảo người trồng mía có lãi tương đương so với các loại cây trồng khác như sắn, ngô, gai... để bảo vệ vùng nguyên liệu phát triển bền vững; đồng thời tiếp tục đẩy nhanh việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong thâm canh mía như chọn giống có năng suất cao, sử dụng giống nuôi cấy mô, tăng cường tưới, bón phân chăm sóc, cơ giới hóa để nâng cao năng suất, giảm giá thành sản xuất mía nguyên liệu.

1.5. Đánh giá chung

Tình hình sản xuất nông nghiệp và phát triển các cơ sở đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp trong năm 2018 có nhiều thuận lợi là cơ sở để thúc đẩy các hoạt động kết nối cung cầu giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh với cơ sở tiêu thụ nông sản, thực phẩm trên địa bàn tỉnh; giữa trong tỉnh với các tỉnh khác.

Các hoạt động kết nối cung cầu nông sản, thực phẩm đã đáp ứng được một phần mong muốn và đem lại hiệu quả thiết thực cho các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh và tiêu thụ trên địa bàn tỉnh. Các cơ sở sản xuất tìm được đầu ra ổn định để mạnh dạn đầu tư, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng quy mô; các doanh nghiệp phân phối, tiêu thụ tìm được nguồn chất lượng để yên tâm đẩy mạnh mở rộng thị trường; một số mặt hàng nông sản, thực phẩm chất lượng, đặc sản vùng miền ngoài tiêu thụ trong nước bước đầu đã hướng tới xuất khẩu; các bếp ăn tập thể, nhà hàng, khách sạn trên địa bàn tỉnh bước đầu đã quan tâm, chú trọng đến việc lựa chọn, sử dụng các nông sản, thực phẩm an toàn trong mỗi bữa ăn hàng ngày.

Tính tự giác và ý thức chấp hành các quy định của pháp luật trong hợp đồng liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm theo chuỗi giá trị đã có nhiều chuyển biến tích cực và được nâng lên rõ rệt. Bước đầu xây dựng và hình thành được hệ thống các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, vùng sản xuất an toàn, các chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; hình thành được mối liên kết giữa sản xuất - cung ứng và tiêu thụ thực phẩm an toàn, tạo tiền đề cho chuỗi liên kết phát triển bền vững.

Một số doanh nghiệp, HTX và các trang trại đã quan tâm, đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong hoạt

động; đăng ký giám sát, xác nhận dán tem “xác nhận sản phẩm phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn” trước khi đưa sản phẩm ra thị trường, từng bước đáp ứng nhu cầu tiêu thụ thực phẩm an toàn của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

1.6. Khó khăn, hạn chế

Do thói quen, tập quán, thu nhập của người dân còn thấp; việc nhận diện, sản phẩm an toàn còn khó khăn nên vẫn còn tình trạng sử dụng thực phẩm không rõ nguồn gốc, có nguy cơ cao gây mất an toàn thực phẩm.

Một số hợp đồng nguyên tắc được ký kết thông qua các hoạt động kết nối cung cầu nông sản, thực phẩm do UBND tỉnh, các sở, ngành tổ chức nhưng kết quả thực hiện chưa được như mong muốn; mối liên hệ, kết nối giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nhất là thực phẩm an toàn còn lỏng lẻo và gặp nhiều khó khăn. Tình trạng nông dân phá vỡ hợp đồng do người dân không thực hiện khi nông sản cao hơn giữ lại bán ra ngoài, đến khi không bán được mới kêu gọi doanh nghiệp vẫn còn, nên ảnh hưởng đến việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thông qua các hợp đồng.

Sản xuất nông nghiệp phát triển chưa vững chắc, thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn bất bành. Chủ thể sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ nông dân với cách làm truyền thống, tích lũy về vốn thấp, trình độ hạn chế nên việc tổ chức sản xuất theo hướng hiện đại, quy mô lớn, chất lượng và an toàn thực phẩm mức độ cao. Phần lớn sản phẩm chưa có thương hiệu, chưa có thị trường tiêu thụ ổn định; thiếu sự gắn kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ

2. Những giải pháp tiếp tục thực hiện trong thời gian tới

Tiếp tục tập trung thực hiện tốt Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 20/4/2015 của BCH Đảng bộ tỉnh về tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; thực hiện có hiệu quả chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi tập trung phát triển 07 sản phẩm trồng trọt, 05 sản phẩm chăn nuôi, 04 sản phẩm thủy sản chủ lực và có lợi thế:

Đặc biệt, tập trung triển khai thực hiện các cơ chế chính sách của Trung ương (Nghị định 57/2018/NĐ-CP thay thế nghị định 210/2013/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Nghị định 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, Quyết định 68/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch, Quyết định 62/2013/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn...; các cơ chế chính sách của tỉnh (Quyết định 5637/2015/QĐ-UBND về chính sách hỗ trợ phát triển giống cây trồng vật nuôi giai đoạn 2016- 2020, Quyết định 5643/2015/QĐ-UBND về cơ chế chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; các nội dung liên quan của Nghị quyết 81/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020); đồng thời, các địa phương tiếp tục nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách bổ sung khuyến khích phát triển sản xuất, thu hút, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

Tham mưu cho tỉnh hoàn thiện cập nhật quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội trong đó có nội dung về nông nghiệp (do BCG tư vấn); hoàn chỉnh, trình phê duyệt các đề án được giao, nhất là đề án tích tụ tập trung đất đai, phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; từ đó phân giao kế hoạch cụ thể về quy mô từng đối tượng, cây trồng, vật nuôi đến từng địa phương để thực hiện theo hướng gắn kết vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát có hiệu quả việc thực hiện các đề án phát triển vùng nguyên liệu như mía, gai, sắn, chăn nuôi lợn, gia cầm và định hướng kế hoạch các đối tượng cây trồng, vật nuôi như cây ăn quả (dứa, cây có múi), các loại rau quả thực phẩm; hạn chế tình trạng sản xuất không theo quy hoạch, kế hoạch và nhu cầu thị trường làm cho tăng diện tích, tăng sản lượng, dư thừa và rớt giá nông sản.

Chủ động kêu gọi nhiều hơn các doanh nghiệp vào đầu tư liên kết sản xuất và bao tiêu nông sản thông qua việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư; nắm bắt những khó khăn vướng mắc để có những giải pháp chỉ đạo kịp thời nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ kết nối doanh nghiệp theo cụm liên kết ngành, đẩy mạnh xây dựng chuỗi giá trị; kết nối các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Kịp thời nắm bắt thông tin, nhu cầu của doanh nghiệp và nông dân, từ cơ sở đến tỉnh xây dựng hệ thống trao đổi thông tin nông nghiệp để kết nối với các tỉnh và các đơn vị của Trung ương nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc.

Tìm kiếm, nghiên cứu, chuyển giao nhanh và đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, các giải pháp khoa học công nghệ mới, tiên tiến để phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của tỉnh, chú trọng tăng tỷ lệ sử dụng giống tiến bộ, có năng suất, chất lượng cao phù hợp với thị hiếu, thích ứng với biến đổi khí hậu. Ứng dụng cơ giới hóa, thực hiện các quy trình kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất. Tăng cường sự kết nối, hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu với doanh nghiệp. Đẩy mạnh sản xuất sản phẩm nông sản an toàn có xác nhận, nâng cao hiệu quả sản xuất, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; xác định cụ thể địa phương, đối tượng có khả năng thực hiện để tổ chức sản xuất.

Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Công thương và các địa phương tập trung xây dựng thương hiệu một số loại nông sản như gạo hữu cơ Thanh Hóa, cam vàng xứ Thanh, quế Thanh Hóa, bò thịt chất lượng cao xứ Thanh,...; xây dựng và tạo lập nhãn hiệu tập thể các sản phẩm như mía, khoai tây, dứa, gà, lợn ... để tạo thương hiệu trên thị trường.

Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm hoặc đề nghị bãi bỏ các thủ tục hành chính không còn phù hợp, tạo thuận lợi tối đa việc cấp phép và chấp thuận chủ trương đầu tư cho các doanh nghiệp vào sản xuất nông nghiệp và bao tiêu nông sản; thực hiện nghiêm túc 3 không trong giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường năng lực tiếp cận, kêu gọi doanh nghiệp; đẩy mạnh đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cả cho cán bộ chuyên ngành và nông dân nhằm tăng cường khả năng dự báo thị trường, xây dựng kế hoạch và tổ chức sản xuất, ứng dụng kỹ thuật phù hợp.

3. Trách nhiệm của các ngành, các cấp

3.1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và PTNT

Triển khai thực hiện các quy hoạch, đề án, kế hoạch phát triển sản xuất có hiệu quả, nhất là khâu đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện tại một số địa phương, đơn vị.

Xây dựng phương án, kế hoạch định hướng quy mô sản xuất cho từng loại nông sản sát với thị trường; đảm bảo sự cân đối, hài hòa về quy mô diện tích cây trồng, tổng đàn vật nuôi, tránh hiện tượng trong cùng thời vụ hoặc thời điểm nhiều địa phương sản xuất cùng loại cây trồng, hoặc cùng một loại con nuôi làm cho sản lượng dư thừa, gây khó khăn cho tiêu thụ.

Tiếp nhận, phối hợp với các địa phương chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới theo hướng đồng bộ, công nghệ cao vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng một số loại nông sản; phát triển khâu bảo quản, chế biến sau thu hoạch; xây dựng thương hiệu sản phẩm nông sản có chất lượng cao.

Việc phối hợp, hướng dẫn các địa phương khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai, tổ chức sản xuất quy mô lớn, công nghệ cao.

3.2. Trách nhiệm của các địa phương:

Nâng cao vai trò quản lý nhà nước đối với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn; cương quyết trong chỉ đạo thực hiện, hạn chế việc để nhân dân sản xuất tự phát, chưa gắn với quy hoạch, định hướng, kế hoạch làm cho một số loại nông sản dễ bị dư thừa, rớt giá, khó tiêu thụ.

Ngoài nguồn lực của Trung ương và của tỉnh thông qua cơ chế, chính sách hỗ trợ, cần có chính sách bổ sung hỗ trợ cho sản xuất, nhất là hỗ trợ để thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đầu tư, liên doanh, liên kết sản xuất và bao tiêu nông sản.

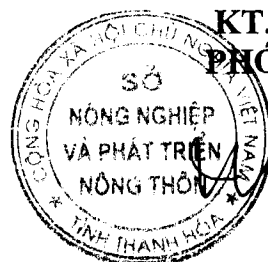
Chủ động trong phối hợp để đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như ứng dụng giống mới, quy trình kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc, điều khiển thời vụ; hạn chế việc trong cùng thời vụ, nhiều địa phương cùng sản xuất một loại nông sản gây khó khăn cho tiêu thụ và giảm giá.

Tăng cường nghiên cứu tiếp cận và triển khai các quy định mới, chính sách mới của Trung ương, của tỉnh, nhất là đối với một bộ phận cán bộ chuyên ngành ở một số địa phương còn yếu, khả năng tiếp cận cơ chế chính sách hạn chế, vừa gây khó khăn trong việc tham mưu triển khai thực hiện, vừa không trở thành cơ quan tư vấn, giúp đỡ các doanh nghiệp, các Hợp tác xã, tổ hợp tác khi có nhu cầu đầu tư.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận: *all*

- HĐND tỉnh Khóa XVII, Kỳ họp thứ 7;
- UBND tỉnh (b/cáo);
- Giám đốc Sở;
- Lưu VT-TT.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Thái
Nguyễn Việt Thái